

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/TB-TLVA, ngày 08/11/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-ST, ngày 01/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hiền L, sinh ngày: 20/11/1999. Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Tô Văn G, sinh ngày 26/01/1996. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại: R (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hiền L:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hiền L và anh Tô Văn G có kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh G đi làm ăn tại R. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, song vì xa cách không có điều kiện để chăm sóc nhau, chia sẻ và tin tưởng nên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại vun đắp nhưng do thiếu sự đồng cảm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hiện tại, chị L thấy rằng tình cảm vợ chồng không có thể hàn gắn được nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho được ly hôn với anh Tô Văn G.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị [Nguyễn Hiền L](#) và anh [Tô Văn G](#) có 01 con chung tên là [Tô Thành Đ](#), sinh ngày 08/8/2016. Chị [Nguyễn Hiền L](#) đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh [Tô Văn G](#) phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh [Tô Văn G](#) thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Nguyễn Hiền L](#).

Về quan hệ hôn nhân: anh [Tô Văn G](#) và chị [Nguyễn Hiền L](#) và kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh [G](#) đi làm ăn tại [R](#). Do khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục. Hiện nay, chị [Nguyễn Hiền L](#) đã làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không có tiếng nói chung nên anh [G](#) thống nhất ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị [Nguyễn Hiền L](#) và anh [Tô Văn G](#) có 01 con chung tên là [Tô Thành Đ](#), sinh ngày 08/8/2016. Chị [Nguyễn Hiền L](#) đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh [Tô Văn G](#) phải cấp dưỡng. Con [Tô Thành Đ](#) có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do anh [Tô Văn G](#) đang lao động tự do tại nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc cho con nên anh thống nhất như yêu cầu của chị [L](#), cũng như nguyện vọng của con.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù anh [G](#) vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, tuy nhiên anh từ chối cung cấp địa chỉ, thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình anh đã trình bày rõ các nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, cụ thể:

- Về tình cảm: chị [Nguyễn Hiền L](#) được ly hôn với anh [Tô Văn G](#).
- Về con chung: Quá trình chung sống, chị [Nguyễn Hiền L](#) và anh [Tô Văn G](#) có 01 con chung tên là [Tô Thành Đ](#), sinh ngày 08/8/2016. Chị [Nguyễn Hiền L](#) đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc và không yêu cầu anh [Tô Văn G](#) phải cấp dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xem xét.
- Về án phí: Chị [Nguyễn Hiền L](#) phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị [Nguyễn Hiền L](#) đang sinh sống tại [thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Anh [Tô Văn G](#) trước khi đi lao động tại [R](#), có đăng ký hộ khẩu tại [thôn Y, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#). Tại thời điểm Tòa án thụ lý, theo công văn của [Cục Q Bộ C](#) thì anh [Tô Văn G](#) hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do có bị đơn đi xuất khẩu lao động. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho anh [Tô Văn G](#) (thông qua gia đình). Do anh [G](#) đang lao động tự do tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về. Tuy nhiên gia đình và anh [G](#) từ chối cung cấp địa chỉ. Anh [Tô Văn G](#) đã gửi các giấy tờ thể hiện quan điểm đối với việc ly hôn theo yêu cầu của chị [Nguyễn Hiền L](#). Đồng thời, Tòa án đã tiến hành mời đại diện gia đình anh là ông [Tô Thế H](#), bố đẻ anh [G](#) lên làm việc. Thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình anh [Tô Văn G](#) đã thống nhất các nội dung về tình cảm, con chung và tài sản chung như yêu cầu của chị [Nguyễn Hiền L](#). Vì vậy, theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công Văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án tối cao, Tòa án tỉnh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng theo quy định.

Đồng thời, vì lý do đang lao động tại Rumani nên anh [Tô Văn G](#) có yêu cầu được Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị [Nguyễn Hiền L](#) và anh [Tô Văn G](#) có kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 28/02/2018 tại [Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh](#) trên tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, đến năm 2018 anh [G](#) đi làm ăn tại [R](#). Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, song vì xa cách không có điều kiện để chăm sóc nhau, chia sẻ và tin tưởng nên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại vun đắp nhưng do thiếu sự đồng cảm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa, do khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung, không thấu hiểu đồng cảm cho nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục nên chị [Nguyễn Hiền L](#) đã làm thủ tục đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị [L](#) và anh [G](#) không đạt được mục đích đó. Do anh [G](#) đang lao động tự do tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, thông qua cuộc gọi video có hình ảnh, âm thanh và xác nhận của gia đình, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không có tiếng nói chung nên anh thống nhất ly hôn. Vì vậy, nguyện vọng của chị [L](#) là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị và

xử cho chị được ly hôn với anh [Tô Văn G](#) để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giao con chung tên là [Tô Thành Đ](#), sinh ngày 08/8/2016 cho chị [Nguyễn Hiền L](#) chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh [Tô Văn G](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: chị [Nguyễn Hiền L](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các điều 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Nguyễn Hiền L](#) được ly hôn với anh [Tô Văn G](#).

2. Về con chung: Giao con chung tên là [Tô Thành Đ](#), sinh ngày 08/8/2016 cho chị [Nguyễn Hiền L](#) chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh [Tô Văn G](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: chị [Nguyễn Hiền L](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000710 ngày 08/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Khắc Hoàng